



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**đăng ký Doanh nghiệp số**

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đặng Quốc Dũng  
Ông Noboru Kobayashi  
Ông Chu Văn Phương  
Ông Trần Ngọc Bảo  
Ông Nguyễn Việt Phương  
Ông Trần Bá Phúc  
Ông Nguyễn Quốc Trường  
Ông Nguyễn Anh Tuấn  
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch  
Phó chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (đến ngày 18/5/2020)  
Thành viên (đến ngày 18/5/2020)  
Thành viên (đến ngày 18/5/2020)  
Thành viên độc lập

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Chu Văn Phương  
Ông Trần Nhật Ninh  
Bà Ngô Thị Thu Thủy  
Ông Nguyễn Văn Thúc  
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát**

(đến ngày 18/5/2020)

Bà Vũ Thị Minh Nhật  
Bà Nguyễn Quỳnh Hương

Trưởng Ban  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Số 2 An Đà  
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2020 và báo cáo soát xét ngày 14 tháng 8 năm 2019.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00228-20-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2594-2019-007-1

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>2.233.917.589.421</b>	<b>2.363.188.726.746</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>198.415.113.685</b>	<b>297.022.694.727</b>
Tiền	111		198.265.113.685	196.872.694.727
Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000	100.150.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	-	10.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>853.912.409.276</b>	<b>958.486.969.352</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	860.273.137.283	893.042.996.267
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	36.306.077.253	38.459.304.803
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	15.461.572.866	15.461.572.866
Phải thu ngắn hạn khác	136	13	21.893.751.422	12.834.015.445
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(80.022.129.548)	(1.310.920.029)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>15</b>	<b>1.172.337.926.992</b>	<b>1.073.746.248.873</b>
Hàng tồn kho	141		1.177.048.657.979	1.078.551.305.019
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.710.730.987)	(4.805.056.146)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.252.139.468</b>	<b>23.932.813.794</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.608.481.576	9.288.457.034
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.198.607.473	14.191.206.027
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		445.050.419	453.150.733

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>2.176.381.243.444</b>	<b>2.189.130.945.492</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.498.388.324.741</b>	<b>1.536.486.469.202</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	1.420.432.742.926	1.457.165.617.339
Nguyên giá	222		2.731.015.635.086	2.695.676.486.086
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.310.582.892.160)	(1.238.510.868.747)
Tài sản cố định vô hình	227	17	77.955.581.815	79.320.851.863
Nguyên giá	228		95.091.239.834	95.091.239.834
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.135.658.019)	(15.770.387.971)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>148.303.838.313</b>	<b>130.714.751.756</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	148.303.838.313	130.714.751.756
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>519.235.857.947</b>	<b>509.847.398.998</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	275.150.669.347	265.222.210.398
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(c)	95.960.188.600	245.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(c)	(1.875.000.000)	(1.335.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	150.000.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.453.222.443</b>	<b>12.082.325.536</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		8.944.054.954	12.082.325.536
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	1.509.167.489	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>4.410.298.832.865</b>	<b>4.552.319.672.238</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.865.379.888.284</b>	<b>1.984.900.418.669</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.772.759.874.410</b>	<b>1.854.109.589.636</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	146.324.773.355	260.013.816.111
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.150.165.876	1.782.268.775
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	21	30.982.190.629	17.276.017.652
Phải trả người lao động	314		36.660.233.863	72.779.367.525
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	67.054.651.081	122.598.158.473
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	15.591.560.698	12.882.910.719
Vay ngắn hạn	320	24(a)	1.443.700.645.147	1.362.611.134.057
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	30.295.653.761	4.165.916.324
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>92.620.013.874</b>	<b>130.790.829.033</b>
Vay dài hạn	338	24(b)	92.620.013.874	130.790.829.033
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.544.918.944.581</b>	<b>2.567.419.253.569</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>2.544.918.944.581</b>	<b>2.567.419.253.569</b>
Vốn cổ phần	411	27	981.638.530.000	981.638.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		981.638.530.000	981.638.530.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	1.138.170.478.493	962.542.250.971
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		425.109.936.088	623.238.472.598
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		222.984.780.639	217.977.480.256
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		202.125.155.449	405.260.992.342
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.410.298.832.865</b>	<b>4.552.319.672.238</b>


Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:

  
 Lưu Thị Mai  
 Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:

  
 Trần Ngọc Bảo  
 Kế toán trưởng

  
 Chu Văn Phương  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>31</b>	<b>2.164.601.968.688</b>	<b>2.502.469.181.740</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>31</b>	<b>8.754.662.096</b>	<b>13.268.961.300</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>31</b>	<b>2.155.847.306.592</b>	<b>2.489.200.220.440</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>32</b>	<b>1.458.794.019.302</b>	<b>1.714.513.851.856</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>697.053.287.290</b>	<b>774.686.368.584</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	13.251.053.550	8.134.951.462
Chi phí tài chính	22	34	61.669.507.797	68.637.291.993
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.190.684.198	68.571.004.272
Phần lãi trong công ty liên kết	24	9(b)	9.928.458.949	9.514.321.402
Chi phí bán hàng	25	35	273.371.672.199	410.296.844.378
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	148.487.608.831	62.751.320.960
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>236.704.010.962</b>	<b>250.650.184.117</b>
Thu nhập khác	31		1.007.438.898	2.901.829.156
Chi phí khác	32		1.366.846	2.456.804.516
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.006.072.052</b>	<b>445.024.640</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>237.710.083.014</b>	<b>251.095.208.757</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>38</b>	<b>35.094.095.054</b>	<b>32.264.600.502</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>38</b>	<b>(1.509.167.489)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>204.125.155.449</b>	<b>218.830.608.255</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

			Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	1.595	1.858

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Lưu Thị Mai  
 Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo  
 Kế toán trưởng



Chu Văn Phương  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>30/6/2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>237.710.083.014</b>	<b>251.095.208.757</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	73.550.293.461	75.175.429.691
Các khoản dự phòng	03	79.156.884.360	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(26.739.516)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(22.348.239.078)	(17.910.962.732)
Chi phí lãi vay	06	42.190.684.198	68.571.004.272
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>410.232.966.439</b>	<b>376.930.679.988</b>
Biến động các khoản phải thu	09	37.653.969.221	288.360.661.675
Biến động hàng tồn kho	10	(98.497.352.960)	266.681.254.468
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(204.024.660.169)	14.460.495.446
Biến động chi phí trả trước	12	6.818.246.040	8.165.145.385
		<b>152.183.168.571</b>	<b>954.598.236.962</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(43.350.369.344)	(68.574.673.330)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.014.204.390)	(4.472.742.696)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.168.021.000)	(13.606.114.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>84.650.573.837</b>	<b>867.944.706.936</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(43.051.371.399)	(136.659.206.386)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	323.832.727
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24	10.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(33.120.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	3.175.890.515	8.441.722.482
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(29.875.480.884)</b>	<b>(161.013.651.177)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.799.665.502.311	1.802.159.847.304
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.756.746.806.380)	(2.387.821.023.672)
Tiền trả cổ tức	36	(196.327.706.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(153.409.010.069)</b>	<b>(585.661.176.368)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(98.633.917.116)</b>	<b>121.269.879.391</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>297.022.694.727</b>	<b>83.065.719.694</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>26.336.074</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)</b>	<b>70</b>	<b>198.415.113.685</b>	<b>204.335.599.085</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:

  
 Lưu Thị Mai  
 Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:

  
 Trần Ngọc Bảo  
 Kế toán trưởng

  
 Chu Văn Phương  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động được cấp phép của Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong kỳ, các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có 2 công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	30/6/2020		1/1/2020	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con							
1	Công ty TNHH MTV Nhựa Thiều niên Tiên Phong Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Lô C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (i)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và kinh doanh vận tải, các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100%	100%	100%	100%

(i) Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (“Bất động sản Tiên Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015. Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiên Phong. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 Công ty có 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty và các công ty con có 1.377 nhân viên (1/1/2020: 1.482 nhân viên).



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

##### **(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

##### **(iv) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 27 đến 45 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 tháng.



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Bản quyền công nghệ**

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải. Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá một số khoản phải thu đã quá hạn đối với Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải, công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty, là khó có khả năng thu hồi và trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị là 77.845 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: Không) (Thuyết minh 14).

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty và các công ty con**

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	691.188.215	330.465.099
Tiền gửi ngân hàng	197.573.925.470	196.542.229.628
Các khoản tương đương tiền	150.000.000	100.150.000.000
	<u>198.415.113.685</u>	<u>297.022.694.727</u>

**9. Đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số lượng	30/6/2020 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	1/1/2020 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		-	-		10.000.000.000	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	15.000	150.000.000.000	(*)	-	-	-

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam hưởng lãi suất năm là 7,98%.



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	30/6/2020		1/1/2020	
					Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Bình Dương	8.415.000	27,39%	27,39%	263.443.989.097	(*)	254.111.911.076	(*)
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Hải Phòng	499.775	49,98%	49,98%	11.706.680.250	(*)	11.110.299.322	(*)
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (i)	CHDCND Lào		51%	51%	-	(*)	-	(*)
					275.150.669.347		265.222.210.398	

(i) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phản ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết và thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp giá gốc. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Công ty NTP-SMP tới bằng không trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	265.222.210.398	252.799.276.595
Phần lãi trong công ty liên kết	9.928.458.949	9.514.321.402
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	9.332.078.021	9.871.407.184
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	596.380.928	(357.085.782)
Số dư cuối kỳ	275.150.669.347	262.313.597.997

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<b>Tỷ lệ % sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ % quyền biểu quyết</b>	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
<b>Số lượng cổ phiếu</b>			<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (ii)	13,50%	13,50%	46.784.068.600	46.784.068.600
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	10,66%	10,66%	41.400.000.000	41.400.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	17,39%	17,39%	5.148.000.000	5.148.000.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	4,80%	4,80%	1.128.120.000	1.128.120.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	1,11%	1,11%	1.500.000.000	1.500.000.000
Khác			-	-
			95.960.188.600	245.960.188.600
			(1.875.000.000)	(1.335.000.000)



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24).
- (\*) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## **10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (i)	334.484.207.422	482.843.374.923
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	188.848.180.536	108.037.552.654
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (i)	7.098.490.316	9.251.163.339
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	1.536.860.138	1.192.388.593
<b>Bên khác</b>		
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	163.415.525.777	161.343.001.095
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	70.922.470.166	-
Công ty TNHH Tam Phước	53.224.579.724	99.603.105.298
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	39.320.079.292	24.284.138.187
Các khách hàng khác	1.422.743.912	6.488.272.178
	<b>860.273.137.283</b>	<b>893.042.996.267</b>

- (i) Các khoản phải thu này không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 747.794 triệu VND (1/1/2020: 868.483 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24).



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại Truyền thông và Quảng cáo Minh Dương	9.858.711.650	7.056.767.412
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	4.342.362.288	7.500.576.288
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	3.323.560.045	3.939.124.499
Công ty TNHH Công nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	2.245.310.635	2.052.634.795
Các nhà cung cấp khác	16.536.132.635	17.910.201.809
	<b>36.306.077.253</b>	<b>38.459.304.803</b>

**12. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty. Khoản vay này không có bảo đảm, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**13. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	499.775.000	-
<b>Bên khác</b>		
Phải thu lãi trái phiếu	7.210.273.973	1.245.410.959
Phải thu cổ tức	2.779.251.600	-
Tạm ứng	2.382.441.408	2.359.180.147
Đặt cọc	2.362.000.000	2.168.000.000
Phải thu khác	6.660.009.441	7.061.424.339
	<b>21.893.751.422</b>	<b>12.834.015.445</b>

Các khoản phải thu phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được thành toán khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2020				1/1/2020			
Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-	Trên 3 năm	583.902.600	-	
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-	Trên 3 năm	501.480.953	-	
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trên 6 tháng đến dưới 3 năm	1.536.860.138	865.947.292	670.912.846	Trên 6 tháng đến dưới 3 năm	1.192.388.593	1.192.388.593	
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty Đối tượng khác	6 tháng đến dưới 1 năm Trên 3 năm	334.484.207.422 225.536.476	77.845.262.227 225.536.476	256.638.945.195 -	Chưa quá hạn Trên 3 năm	482.843.374.923 225.536.476	482.843.374.923 -	
		337.331.987.589	80.022.129.548	257.309.858.041		485.346.683.545	484.035.763.516	
<b>Trong đó:</b>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn		80.022.129.548				1.310.920.029		

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	97.304.907.208	-	263.921.687.795	-
Nguyên vật liệu	858.642.280.622	(4.710.730.987)	559.877.266.694	(4.690.886.582)
Công cụ và dụng cụ	6.095.939.254	-	7.503.033.771	(113.570.218)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.719.780.034	-	54.141.870.998	-
Thành phẩm	169.285.750.861	-	193.107.445.761	(599.346)
	<b>1.177.048.657.979</b>	<b>(4.710.730.987)</b>	<b>1.078.551.305.019</b>	<b>(4.805.056.146)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 5.647 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2020: 5.754 triệu VND nguyên vật liệu, 114 triệu VND công cụ dụng cụ và 3 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 183.311 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24).



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	1.410.972.282.109	1.112.608.015.075	154.289.952.444	17.806.236.458	2.695.676.486.086
Tăng trong kỳ	-	20.209.996.273	15.242.152.727	-	35.452.149.000
Xóa sổ	-	-	(113.000.000)	-	(113.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.410.972.282.109</b>	<b>1.132.818.011.348</b>	<b>169.419.105.171</b>	<b>17.806.236.458</b>	<b>2.731.015.635.086</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	464.869.915.772	660.905.286.077	96.765.637.402	15.970.029.496	1.238.510.868.747
Khấu hao trong kỳ	35.541.151.593	30.185.094.021	6.045.264.117	413.513.682	72.185.023.413
Xóa sổ	-	-	(113.000.000)	-	(113.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>500.411.067.365</b>	<b>691.090.380.098</b>	<b>102.697.901.519</b>	<b>16.383.543.178</b>	<b>1.310.582.892.160</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	946.102.366.337	451.702.728.998	57.524.315.042	1.836.206.962	1.457.165.617.339
Số dư cuối kỳ	910.561.214.744	441.727.631.250	66.721.203.652	1.422.693.280	1.420.432.742.926

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có tài sản có nguyên giá 530.930 triệu VND (1/1/2020: 524.965 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.364.910 triệu VND (1/1/2020: 1.401.958 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24).

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Tài sản cố định vô hình**

<b>Nguyên giá</b>		<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Bản quyền công nghệ VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ		85.230.190.727	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	95.091.239.834
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ		6.979.750.006	153.400.000	2.501.022.223	6.136.215.742	15.770.387.971
Khấu hao trong kỳ		1.222.548.564	-	-	142.721.484	1.365.270.048
Số dư cuối kỳ		8.202.298.570	153.400.000	2.501.022.223	6.278.937.226	17.135.658.019
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ		78.250.440.721	-	-	1.070.411.142	79.320.851.863
Số dư cuối kỳ		77.027.892.157	-	-	927.689.658	77.955.581.815

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.654 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	130.714.751.756	184.494.656.331
Tăng trong kỳ	17.589.086.557	75.302.609.639
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(80.638.338.771)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(45.655.333.781)
Khác	-	(2.356.568.352)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>148.303.838.313</b>	<b>131.147.025.066</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	135.693.482.973	118.084.436.416
Dự án số 2 An Đà (*)	12.610.355.340	12.630.315.340
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>148.303.838.313</b>	<b>130.714.751.756</b>

- (\*) Theo các Công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 1 năm 2008 và số 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, Công ty được phép phát triển một tổ hợp tòa nhà bao gồm các căn hộ chung cư và văn phòng cho thuê tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Ngày 22 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 1018/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 và thiết kế của Dự án, theo đó, Công ty sẽ có trách nhiệm triển khai các thủ tục tiếp theo của Dự án theo quy định.



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	20%	1.509.167.489	-

**20. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	30.233.320.323	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	3.328.127.453	2.038.539.652
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	162.480.735	2.875.109.485
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	18.916.339.598	41.946.025.000
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	27.790.718.624	50.504.665.834
SCG Plastic Co., Ltd.	24.502.420.800	-
Tricon Dry Chemical, LLC	6.647.144.075	9.007.227.363
IVICT (Singapore) Pte Ltd.	-	36.270.354.120
Vimar Overseas., Ltd.	-	28.180.296.880
Các nhà cung cấp khác	34.744.221.747	89.191.597.777
	<b>146.324.773.355</b>	<b>260.013.816.111</b>

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty và các công ty con không có nợ quá hạn chưa thanh toán (1/1/2020: Không).

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2020 VND</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ VND</b>	<b>Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.669.326.344	228.607.987.333	(228.105.368.306)	2.171.945.371
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	75.944.842.804	(75.944.842.804)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.149.102.619	35.094.095.054	(20.014.204.390)	26.228.993.283
Thuế thu nhập cá nhân	4.120.823.873	6.083.023.446	(7.978.031.520)	2.225.815.799
Tiền thuê đất	-	7.131.279.405	(7.131.279.405)	-
Thuế nhập khẩu	336.764.816	16.030.346.950	(16.011.675.590)	355.436.176
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	17.276.017.652	368.894.574.992	(355.188.402.015)	30.982.190.629

**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Lãi vay phải trả	3.375.714.369	4.535.399.515
Chiết khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	40.728.145.056	100.721.456.789
Chi phí vận chuyển	5.094.388.136	7.135.581.461
Chi phí thuê đất	7.299.584.563	3.103.128.000
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	7.227.757.090	4.656.929.999
Chi phí phải trả khác	3.329.061.867	2.445.662.709
	67.054.651.081	122.598.158.473

**23. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Bên khác</b>		
Nhận đặt cọc ngắn hạn	6.467.000.177	7.425.000.177
Kinh phí công đoàn	3.153.960.686	2.221.377.854
Các khoản phải trả khác	5.970.599.835	3.236.532.688
	15.591.560.698	12.882.910.719



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2020</b> <b>Giá trị ghi sổ và</b> <b>số có khả năng</b> <b>trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/6/2020</b> <b>Giá trị ghi sổ và</b> <b>số có khả năng</b> <b>trả nợ</b> <b>VND</b>
		<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	
Vay ngắn hạn	1.242.848.449.948	1.786.672.429.671	(1.691.170.881.351)	1.338.349.998.268
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b))	119.762.684.109	51.163.887.799	(65.575.925.029)	105.350.646.879
	<u>1.362.611.134.057</u>	<u>1.837.836.317.470</u>	<u>(1.756.746.806.380)</u>	<u>1.443.700.645.147</u>

Vay ngắn hạn bao gồm:

- các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 4,1% đến 6,4% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: từ 5,8% đến 6,5%); và
- các khoản vay ngân hàng bằng Đô la Mỹ, chịu lãi suất năm từ 4,1% đến 5,1% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: không có khoản vay Đô la Mỹ).

Tại ngày báo cáo, các khoản vay ngắn hạn có giá trị ghi sổ 809.295 triệu VND được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày tại Thuyết minh 24(b).

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	197.970.660.753	250.553.513.142
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(a))	(105.350.646.879)	(119.762.684.109)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>92.620.013.874</u>	<u>130.790.829.033</u>

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 6,65% đến 9,14% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: từ 6,9% đến 9,1%) và có thời gian đáo hạn từ năm 2022 đến năm 2024.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn còn số dư được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 9(c));
- các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 747.794 triệu VND (1/1/2020: 868.483 triệu VND) (Thuyết minh 10);
- hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 183.311 triệu VND (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 15); và
- tài sản cố định hữu hình của Công ty và các công ty con có giá trị còn lại là 1.364.910 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 1.401.958 triệu VND) (Thuyết minh 16).

## 25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	4.165.916.324	19.864.190.551
Trích lập trong kỳ	28.297.758.437	-
Sử dụng trong kỳ	(2.168.021.000)	(13.542.080.000)
Số dư cuối kỳ	30.295.653.761	6.322.110.551



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b>	892.403.020.000	824.402.903.721	535.699.639.506	2.252.505.563.227
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	218.830.608.255	218.830.608.255
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	138.139.347.250	(138.139.347.250)	-
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(89.240.302.000)	(89.240.302.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(1.107.000.000)	(1.107.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2019</b>	892.403.020.000	962.542.250.971	526.043.598.511	2.380.988.869.482
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	981.638.530.000	962.542.250.971	623.238.472.598	2.567.419.253.569
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	204.125.155.449	204.125.155.449
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	175.628.227.522	(175.628.227.522)	-
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(196.327.706.000)	(196.327.706.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(28.297.758.437)	(28.297.758.437)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>	981.638.530.000	1.138.170.478.493	425.109.936.088	2.544.918.944.581

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **27. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	98.163.853	981.638.530.000	98.163.853	981.638.530.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	98.163.853	981.638.530.000	98.163.853	981.638.530.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	98.163.853	981.638.530.000	98.163.853	981.638.530.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

## **28. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 196.327 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 20% vốn điều lệ) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 89.240 triệu VND, 1.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ).

## **29. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê đất**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	10.638.903.125	10.638.903.125
Từ hai đến năm năm	42.692.700.561	42.555.612.500
Trên năm năm	262.575.748.321	268.032.287.944
	<hr/>	<hr/>
	315.907.352.007	321.226.803.569

**(b) Ngoại tệ**

		<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	353.195	8.169.042.992	358.268	8.146.656.052
		<hr/>		<hr/>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	95.241.439.596	63.721.453.123
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	2.159.940.156.379	2.485.794.163.664
▪ Doanh thu khác	4.661.812.309	16.675.018.076
	2.164.601.968.688	2.502.469.181.740
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(8.754.662.096)	(13.268.961.300)
Doanh thu thuần	2.155.847.306.592	2.489.200.220.440

**32. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	1.406.543.781.903	1.694.685.637.679
▪ Giá vốn khác	52.250.237.399	19.828.214.177
	1.458.794.019.302	1.714.513.851.856

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	7.301.269.329	5.996.787.155
Lãi chênh lệch tỷ giá	831.273.421	17.061.707
Cổ tức được chia	5.118.510.800	2.121.102.600
	<hr/>	<hr/>
	13.251.053.550	8.134.951.462
	<hr/>	<hr/>

**34. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	42.190.684.198	68.571.004.272
Chiết khấu thanh toán	18.735.725.019	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	203.098.580	66.287.721
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	540.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	61.669.507.797	68.637.291.993
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí bán hàng**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	18.240.008.819	20.295.021.843
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối và đơn vị bán hàng	170.243.038.258	280.860.922.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.039.441.923	7.142.260.287
Chi phí vận chuyển	40.036.879.845	48.137.281.354
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	11.211.524.052	14.477.587.434
Chi phí bán hàng khác	26.600.779.302	39.383.770.540
	<hr/>	<hr/>
	273.371.672.199	410.296.844.378
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	31.209.325.956	26.490.236.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.928.759.993	11.731.367.990
Chi phí khác bằng tiền	10.799.893.712	17.108.795.558
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	78.711.209.519	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.838.419.651	7.420.921.122
	<b>148.487.608.831</b>	<b>62.751.320.960</b>

**37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.231.455.174.618	1.379.090.596.290
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối và đơn vị bán hàng	170.243.038.258	280.860.922.920
Chi phí nhân công và nhân viên	152.605.080.912	156.616.144.996
Chi phí khấu hao	73.550.293.461	75.175.429.691
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	78.711.209.519	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.382.417.568	135.617.457.409
Chi phí khác	14.367.974.973	12.394.647.081

**38. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	35.094.095.054	32.264.600.502
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Ảnh hưởng của lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	(1.509.167.489)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<b>33.584.927.565</b>	<b>32.264.600.502</b>



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	237.710.083.014	251.095.208.757
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	47.542.016.603	50.219.041.751
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	(7.297.991.211)	(10.418.089.107)
Thu nhập không bị tính thuế	(3.009.393.950)	(2.327.084.800)
Ưu đãi thuế	(3.648.995.605)	(5.209.044.554)
Khác	(708.272)	(222.788)
	33.584.927.565	32.264.600.502

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong – một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2013 đến năm 2027) và thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư cũng cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020                      30/6/2019	
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	204.125.155.449	218.830.608.255
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(14.288.760.881)	-
Số trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (VND)	(2.000.000.000)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	187.836.394.568	218.830.608.255
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu) (Thuyết minh 39(b))	117.796.183	117.796.183
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.595	1.858

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 7% lợi nhuận thuần trong kỳ.

**(b) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020                      30/6/2019	
	Đã điều chỉnh lại	
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	98.163.853	89.240.302
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành để trả cổ tức trong năm 2019 (Thuyết minh 39(c))	-	8.923.551
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành để trả cổ tức sau ngày kết thúc kỳ kế toán (Thuyết minh 41)	19.632.330	19.632.330
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	117.796.183	117.796.183

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 8.923.551 cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận chưa phân phối để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2019. Ngoài ra, sau ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã công bố phát hành 19.632.330 cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐTN-2020 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định 62/QĐ-HĐQT ngày 6 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Quản trị. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng bị thay đổi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được điều chỉnh lại như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019</b>	
	<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền Số cổ phiếu</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND</b>
Số báo cáo trước đây	89.240.302	2.452
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành để trả cổ tức trong năm 2019	8.923.551	(223)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành để trả cổ tức sau ngày kết thúc kỳ kế toán (Thuyết minh 41)	19.632.330	(371)
<b>Số điều chỉnh lại</b>	<b>117.796.183</b>	<b>1.858</b>



**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</b>		
Bán hàng hóa	110.851.162.326	107.423.343.568
Mua hàng hóa, dịch vụ	96.386.066.129	109.611.960.930
Phí bản quyền	3.400.000.000	-
Khác	-	210.300.000
<b>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	9.669.352.637	7.116.694.495
<b>Công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải</b>		
Bán hàng	95.109.000	571.257.036.320
Hàng bán trả lại	3.807.757.032	1.783.493.929
<b>Công ty TNHH Sekisui Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa	1.457.156.872	1.805.803.059
Mua hàng hóa	119.182.813.621	150.777.324.505
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong</b>		
Mua hàng	24.609.564.551	14.207.940.795
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 18/5/2020)</b>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	7.556.963.654	7.142.139.743

**41. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Sau khi kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã công bố phát hành 19.632.330 cổ phiếu, tương đương với 196.323 triệu VND để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐTN-2020 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định 62/QĐ-HĐQT ngày 6 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Quản trị.

**Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**42. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:

  
**Lưu Thị Mai**  
Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:

  
**Trần Ngọc Bảo**  
Kế toán trưởng



  
**Chu Văn Phương**  
Tổng Giám đốc

